

 PHÚ YÊN CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN		
---	---	---	---

Số: 27/KQ

VILAS 746

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	118M ₁ 01/15	Nhà Máy Bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	10/08/2015 9g30-9g45	Nguyễn thị Cẩm Tú
3	119M ₁ 01/15	Điểm Giao Dịch Cấp Nước -An Phú		Trần Quang Vinh	10/08/2015 9g30-9g45	
4	120M ₁ 01/15	207 Nguyễn Công Trứ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	10/08/2015 8g30-8g45	Phạm Thị Luyện
5	120M ₂ 01/15	Cảng cá Phường 6			10/08/2015 9g00-9g15	
6	120M ₃ 01/15	Ủy ban nhân dân Tỉnh			10/08/2015 9g30-9g45	
7	121B01/15	Bể chứa NMN Tuy Hòa			10/08/2015 8g00-8g15	

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				118M ₁ 01/15	119M ₁ 01/15	120M ₁ 01/15	120M ₂ 01/15
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	7.03	6.89	6.94	6.99
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.52	0.65	0.45	0.44
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.01	0.02	0.01	0.01
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15.98	15.63	16.33	15.98
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	44.61	44.10	44.61	45.10
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	7.60	8.40	8.00	8.20
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	6.00	6.50	4.00	4.6
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	11.40	8.40	7.90	7.60
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	0.01	0.01	0.01
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.26	0.48	0.39	0.32
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	KPH	KPH



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				120M ₃ 01/15	121B01/15		
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.87	6.91		
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.51	0.67		
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.01	0.02		
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15.63	15.98		
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	44.61	45.98		
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH		
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	6.80	7.00		
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không		
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	5.00	6.40		
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.70	6.80		
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	0.01		
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39	0.36		
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH		
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0.53		

Ghi chú: - KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa , ngày 17 tháng 08 năm 2015

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa Nghiệm



KS. Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Khắc Toàn

Võ Bá Duy Huân